

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



TRỊNH NINH BÌNH

**GIÁM ĐỐC THẨM CÁC VỤ ÁN
KINH DOANH THƯƠNG MẠI, QUA THỰC TIỄN
TẠI TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

ĐÀ NẴNG, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Văn Bường**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:.....	3
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	4
5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn	5
7. Kết cấu của luận văn	5
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIÁM ĐỐC THẨM ĐỐI VỚI VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM	6
1. Khái quát về giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại.	6
1.1. Khái niệm giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại.	6
1.2. Pháp luật về giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại.	7
1.2.1. Thủ tục nhận đơn đề nghị giám đốc thẩm.....	8
1.2.2. Quy định về nội dung đơn về đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm và thủ tục nhận đơn của Cơ quan có thẩm quyền.....	8
1.2.3 Thủ tục nhận đơn đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm.	9
1.2.4. Thời hạn giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm.	9
1.2.5. Giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm.	10
1.2.6. Người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.	11
1.2.7. Kháng nghị giám đốc thẩm.	11
1.2.8. Phiên tòa Giám đốc thẩm.	12
1.2.9. Thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm.	12
Kết luận Chương 1	15
Chương 2. THỰC TIỄN GIÁM ĐỐC THẨM VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG VÀ CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC KHI ÁP DỤNG PHÁP LUẬT.....	15
2.1. Thực tiễn giải quyết đơn đề nghị và xét xử giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.	15
2.1.1. Sơ lược về thẩm quyền giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.....	15

2.1.2. Thực tiễn thụ lý, giải quyết vụ án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.....	16
2.1.2.1. Tình hình thụ lý, giải quyết.	16
2.1.2.2. Đánh giá chung về thực tiễn giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm và việc xét xử giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.....	17
2.2. Khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng quy định của pháp luật về giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.....	18
2.2.1. Về xác định người có quyền làm đơn đề nghị giám đốc thẩm.....	18
2.2.2. Về người có thẩm quyền giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại	18
2.2.3. Vướng mắc về thời hạn làm đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại.....	18
2.2.4. Vướng mắc trong việc gửi hồ sơ vụ án của Tòa án đang lưu giữ hồ sơ cho Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân có yêu cầu:	19
2.2.5. Vướng mắc về thời hạn giải quyết đơn giám đốc thẩm:	19
2.2.6. Vướng mắc về thu tập tài liệu, chứng cứ của vụ án kinh doanh thương mại tại giai đoạn giám đốc thẩm.	19
2.2.7. Vướng mắc về thủ tục giải quyết nội dung vụ án.	20
2.2.8. Vướng mắc về thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại.....	20
Kết luận chương 2	21
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ GIÁM ĐỐC THẨM ĐỐI VỚI VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG.....	21
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giám đốc thẩm.....	21
3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật giám đốc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.....	22
3.2.1. Các giải pháp về pháp luật.	22
3.2.2. Nhóm các giải pháp khác.	22
Kết luận chương 3	22
KẾT LUẬN	23
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 thì Hệ thống Tòa án nhân dân được tổ chức theo 3 cấp gồm Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân tối cao. Theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì hiện nay Hệ thống Tòa án nhân dân được tổ chức theo 4 cấp gồm: Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân tối cao. Về thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm trước đây thuộc Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân tối cao, nhưng hiện nay theo Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016) thì thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm chỉ thuộc Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân tối cao, đồng thời thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm cũng được mở rộng hơn so với trước đây. Trong những năm qua, số liệu cho thấy số đơn đề nghị giám đốc thẩm ngày càng nhiều nhưng tỷ lệ giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền còn thấp. Theo báo cáo công tác kiểm tra của Tòa án nhân dân tối cao tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì số lượng vụ/việc kinh doanh thương mại năm 2018 thụ lý 131 vụ/việc; kết quả giải quyết được 83 vụ/việc, đạt tỷ lệ 64,1%; năm 2019: số đơn thụ lý là 108 vụ/việc, đã giải quyết 53 vụ/việc. Còn các Tòa án nhân dân cấp cao tại Việt Nam thì tỷ lệ giải quyết cũng không cao; chẳng hạn như tại Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh thì việc giám đốc thẩm, tái thẩm về dân sự, kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2018 và năm 2019 thì “Đơn đề nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại là 4.642 đơn; Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết 1513 đơn, đạt tỷ lệ 32,5%”; năm 2019 giải quyết 3.372 đơn/8.515 đơn, đạt tỷ lệ 44,3%”.

Như vậy, nhận thấy tỷ lệ giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại theo thủ tục giám đốc thẩm còn thấp và do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có vấn đề các quy định của pháp luật về giám đốc thẩm còn chưa rõ ràng, không phù hợp với thực tiễn, ví dụ như chưa quy định cụ thể về người có quyền gửi đơn đề nghị giám đốc thẩm; trình tự, thủ tục xét đơn đề nghị tuy chặt chẽ nhưng

rất phức tạp, dẫn đến không đáp ứng được yêu cầu về thời hạn theo pháp luật tố tụng...

Thực tiễn thi hành Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đến nay chỉ có thời gian ngắn nhưng cũng bộc lộ những hạn chế, bất cập nói chung và trong việc áp dụng các quy định về giám đốc thẩm nói riêng, cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn công tác, nhằm nâng cao chất lượng và đạt tỷ lệ giải quyết giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm của công dân theo yêu cầu tại Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội (60% trở lên).

Từ những bất cập về pháp luật và những hạn chế từ thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết vụ án kinh doanh thương mại theo thủ tục giám đốc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, tác giả thấy rằng việc nghiên cứu tìm ra giải pháp để khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả công tác giám đốc thẩm các vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là một yêu cầu cấp thiết nên tác giả chọn đề tài ***“Giám đốc thẩm các vụ án kinh doanh thương mại, qua thực tiễn tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng”*** làm mục đích nghiên cứu cho luận văn của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời gian gần đây, do tính chất của công tác giám đốc thẩm đối với các loại vụ án ngày càng nhiều về số lượng, phức tạp về nội dung, quy định của pháp luật chưa hoàn thiện nên có rất nhiều nghiên cứu, bài viết của các chuyên gia đầu ngành, các giáo sư, tiến sĩ, nhà khoa học, các tham luận của Tòa án nhân dân các cấp... đã tập trung chủ yếu vào thực trạng của pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về các lĩnh vực liên quan đến công tác giám đốc thẩm nói chung và đối với công tác giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại nói riêng, cụ thể:

- Báo cáo thực tiễn thi hành pháp luật về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân tối cao năm 2019.

- Tham luận của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại Hội nghị chuyên đề về công tác giám đốc thẩm, tái thẩm năm 2019.

- Tham luận của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại Hội nghị chuyên đề về công tác giám đốc thẩm, tái thẩm năm 2019.

- Tham luận của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại Hội nghị chuyên đề về công tác giám đốc thẩm, tái thẩm năm 2019.

- Tham luận của Vụ Giám đốc kiểm tra Dân sự, Kinh doanh thương mại (Vụ II) Tòa án nhân dân tối cao tại Hội nghị chuyên đề về công tác giám đốc thẩm, tái thẩm năm 2019.

Nội dung các tham luận này đều nêu thực trạng công tác giám đốc thẩm hiện nay còn gặp nhiều khó khăn và nêu các giải pháp, kiến nghị về pháp luật, về tổ chức, về bộ máy Tòa án để thực hiện công tác giám đốc thẩm được tốt hơn.

- Đề tài “Nâng cao hiệu quả giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tại TAND cấp cao tại Hà Nội” do Tiến sĩ Đặng Thị Thơm - Trưởng phòng giám đốc, kiểm tra về dân sự và kinh doanh thương mại TAND cấp cao tại Hà Nội làm Chủ nhiệm đề tài, NCS. Nguyễn Viết Giang, Trưởng phòng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC làm Phó Chủ nhiệm được Tòa án nhân dân tối cao nghiệm thu ngày 20 tháng 5 năm 2020.

- Bài viết “Giám đốc thẩm, tái thẩm và thi hành án tại Việt Nam” của tác giả Thạc sĩ Trần Anh Tuấn-Khoa Luật dân sự, Đại học Luật Hà Nội, được đăng tải trên <https://phamlaw.com/giam-doc-tham-tai-tham-va-thi-hanh-an-tai-viet-nam.html>.

- Bài viết “Cách thức viết Quyết định Giám đốc thẩm của Tòa án Việt Nam” của tác giả Tiến sĩ Đặng Thị Thơm - Trưởng phòng giám đốc, kiểm tra về dân sự và kinh doanh thương mại TAND cấp cao tại Hà Nội, được đăng tải trên <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/xet-xu/cach-thuc-viet-quyet-dinh-giam-doc-tham-cua-toa-an-viet-nam>.

- Bài viết “Kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với vụ án dân sự” của tác giả Chu Xuân Minh – Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được đăng tải trên <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/khang-nghi-giam-doc-tham-tai-tham-doi-voi-cac-quyet-dinh-dinh-chi-xet-xu-phuc-tham-dan-su>.

Ngoài ra, còn rất nhiều bài viết, công trình nghiên cứu của các tác giả khác liên quan đến thủ tục giám đốc thẩm các loại vụ án nói chung và vụ án kinh doanh thương mại nói riêng. Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, học viên không thể trích dẫn hết.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật và những vấn đề lý luận về chế định giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại hiện

nay và các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các chế định này qua thực tiễn giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao pháp luật nói chung và chế định về giám đốc thẩm nói riêng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

Về mặt thời gian nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu các quy định của pháp luật về chế định giám đốc thẩm và thực tiễn giải quyết giám đốc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng từ năm 2015 đến năm 2019 (năm 2020 chưa có kết quả thống kê).

Về mặt không gian nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu các quy định của pháp luật về chế định giám đốc thẩm, nghiên cứu thực trạng thi hành các quy định của pháp luật về chế định giám đốc thẩm ở nước ta hiện nay để đánh giá chung.

Về địa bàn nghiên cứu: Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có thẩm quyền về lãnh thổ đối với 12 tỉnh, thành phố thuộc miền Trung và Tây Nguyên, gồm thành phố Đà Nẵng và các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk. Do đó, luận văn tập trung nghiên cứu thực tiễn tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thông qua công tác giải quyết án với địa bàn các tỉnh, thành phố nêu trên.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

4.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về chế định giám đốc thẩm; từ đó tổng hợp các vướng mắc, bất cập và kiến nghị sửa đổi, bổ sung cho hoàn thiện chế định này để áp dụng vào thực tiễn Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, nhằm nâng cao năng lực, chất lượng, tỷ lệ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại theo thủ tục giám đốc thẩm.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận văn xác định các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau đây:

- Làm rõ một số khái niệm những vấn đề mang tính lý luận về chế định giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại.

- Nghiên cứu làm rõ những vướng mắc, bất cập, khó khăn trong việc áp dụng pháp luật hiện nay qua thực tiễn tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
- Nêu các định hướng và đề xuất các giải pháp thích hợp góp phần hoàn thiện chế định giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để việc nghiên cứu đề tài một cách khoa học, có hệ thống, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định giám đốc thẩm, tái thẩm theo pháp luật Việt Nam, các phương pháp nghiên cứu được áp dụng trong quá trình thực hiện, nghiên cứu đề tài bao gồm:

- Phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, quan điểm triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chế định giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại.

- Quá trình nghiên luận văn tác giả đã sử dụng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý như: Phương pháp phân tích, phương pháp liệt kê, phương pháp so sánh,, phương pháp suy luận, phương pháp đối chiếu, phương pháp tổng hợp... để nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực trạng pháp luật về định giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án kinh doanh thương mại.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Có thể coi luận văn là công trình nghiên cứu chuyên sâu và làm rõ các nội dung về giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại.theo pháp luật Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Các kết quả nghiên cứu này có tính ứng dụng cao vào thực tiễn giải quyết án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (nơi học viên công tác) và có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo tại các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về luật học, các cơ quan pháp luật. Một số giải pháp của đề tài có giá trị tham khảo đối với các cơ quan xây dựng, ban hành và thực thi pháp luật về giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại ở nước ta hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia làm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và pháp luật về giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại theo pháp luật Việt Nam.

Chương 2: Thực tiễn giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và khó khăn, vướng mắc khi áp dụng pháp luật.

Chương 3: Định hướng hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIÁM ĐỐC THẨM ĐỐI VỚI VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. Khái quát về giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại.

1.1. Khái niệm giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại.

Trong hoạt động kinh doanh thương mại, khi một trong các bên xác định quyền và nghĩa vụ của mình bị xâm phạm, không thể tự giải quyết tranh chấp với nhau và đương sự thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án, được Tòa án thụ lý là bắt đầu vụ án kinh doanh thương mại. Theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bao gồm:

1. Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.

- Theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao và theo pháp luật hiện hành thì cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh là cá nhân, tổ chức đã được các cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật; cụ thể như sau:

a. Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác (theo Nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

b. Doanh nghiệp (theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp);

c. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam);

d. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (theo Luật Hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã);

đ. Cá nhân, tổ chức khác theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

2. Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.

Đối với các tranh chấp quy định tại điều khoản này thì không nhất thiết đòi hỏi cá nhân, tổ chức phải có đăng ký kinh doanh mà chỉ đòi hỏi cá nhân, tổ chức đều có mục đích lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, thương mại; nếu chỉ có một bên có mục đích lợi nhuận, còn bên kia không có mục đích lợi nhuận, thì tranh chấp đó là tranh chấp về dân sự.

3. Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty.

4. Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty; tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc trong công ty cổ phần, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao tài sản của công ty, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty.

5. Các tranh chấp khác về kinh doanh, thương mại, trù trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Pháp luật về giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại.

Nội dung này là toàn bộ các quy định của pháp luật tố tụng và các văn bản hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định về trình tự, thủ tục yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án kinh doanh thương mại theo thủ tục giám đốc thẩm, bắt đầu từ khi nhận đơn đề nghị xem xét lại vụ án kinh doanh thương mại của cá nhân, cơ quan, tổ chức, quá trình thụ lý, giải quyết đơn cho đến khi có kết quả cuối cùng của giai đoạn giám đốc thẩm, là Thông báo trả lời đơn đề nghị giám đốc thẩm (trường hợp không kháng nghị) hoặc Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của người có thẩm quyền và Quyết định giám đốc thẩm của Ủy

ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao hoặc Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cụ thể:

1.2.1. Thủ tục nhận đơn đề nghị giám đốc thẩm.

- Quy định về phát hiện bản án, quyết định của Tòa án về kinh doanh thương mại đã có hiệu lực pháp luật cần xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Điều 327 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định như sau:

1. Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định đó thì đương sự có quyền đề nghị bằng văn bản với người có thẩm quyền kháng nghị quy định tại Điều 331 của Bộ luật này để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

2. Trường hợp Tòa án, Viện kiểm sát hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác phát hiện có vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì phải thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền kháng nghị quy định tại Điều 331 của Bộ luật này.

3. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao hoặc Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nếu phát hiện có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 326 của Bộ luật này.

1.2.2. Quy định về nội dung đơn về đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm và thủ tục nhận đơn của Cơ quan có thẩm quyền.

- Về nội dung đơn đề nghị giám đốc thẩm của người đề nghị đối với vụ án kinh doanh thương mại:

Bộ luật Tố tụng dân sự quy định Đơn đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm làm đơn đề nghị;
- b) Tên, địa chỉ của người đề nghị;
- c) Tên bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật được đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm;
- d) Lý do đề nghị, yêu cầu của người đề nghị;

đ) Người đề nghị là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ; người đề nghị là cơ quan, tổ chức thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên và đóng dấu vào phần cuối đơn; trường hợp tổ chức đề nghị là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp.

1.2.3 Thủ tục nhận đơn đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm.

Đơn đề nghị và tài liệu, chứng cứ được gửi cho người có thẩm quyền kháng nghị quy định tại Điều 331 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bao gồm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Đương sự có thể nộp trực tiếp tại Tòa án, Viện kiểm sát hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. Tòa án, Viện kiểm sát nhận đơn đề nghị do đương sự nộp và phải ghi vào sổ nhận đơn, cấp giấy xác nhận theo mẫu đã nhận đơn cho đương sự. Ngày gửi đơn được tính từ ngày đương sự nộp đơn tại Tòa án, Viện kiểm sát hoặc ngày có dấu dịch vụ bưu chính nơi gửi.

Tòa án, Viện kiểm sát chỉ thụ lý đơn đề nghị khi có đủ các nội dung quy định tại Điều 328 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Trường hợp đơn đề nghị không có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật này thì Tòa án, Viện kiểm sát yêu cầu người gửi đơn sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án, Viện kiểm sát; hết thời hạn này mà người gửi đơn không sửa đổi, bổ sung thì Tòa án, Viện kiểm sát trả lại đơn đề nghị, nêu rõ lý do cho đương sự và ghi chú vào sổ nhận đơn.

1.2.4. Thời hạn giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm.

Ở giai đoạn sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án kinh doanh thương mại là 2 tháng, đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì có thể gia hạn thêm không quá 1 tháng, là ngắn hơn án dân sự. Đến giai đoạn phúc thẩm và giám đốc thẩm thì thời hạn xét xử, giải quyết đơn của án kinh doanh thương mại giống với án dân sự. Bộ luật Tố tụng hiện nay chưa quy định cụ thể về thời hạn giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, mà thời hạn này được quy định tại Điều 15 Quy chế giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm tại Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân cấp cao, ban hành kèm theo Quyết định số 625/QĐ-CA ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, cụ thể:

1.2.5. Giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm.

1. *Thẩm tra hồ sơ vụ việc dân sự mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật cần xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.*

2. *Kết luận về việc thẩm tra và báo cáo kết quả thẩm tra, đề xuất phương án giải quyết vụ việc dân sự với Chánh án Tòa án.*

3. *Thu thập tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật này (Thẩm tra viên được tiến hành thu thập, tài liệu chứng cứ bằng các biện pháp: (i). Thu thập tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được; thông điệp giữ liệu điện tử; (ii). Yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định, định giá tài sản (phải ra quyết định); (iii). Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện công việc khác theo quy định của pháp luật).*

4. *Hỗ trợ Thẩm phán thực hiện hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.*

Hiện nay, ngành Tòa án đang thực hiện quy trình giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm theo quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 625/QĐ-CA ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Theo quy định này, Thẩm tra viên là người tham mưu giải quyết đơn đề nghị có các nhiệm vụ sau:

1. *Đề xuất việc đề nghị chuyển hồ sơ vụ việc để giải quyết đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm;*

2. *Tiếp nhận các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp theo quy định của pháp luật tố tụng;*

3. *Xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật tố tụng;*

4. *Nghiên cứu, thẩm tra hồ sơ vụ việc;*

5. *Đề xuất ý kiến và dự thảo tờ trình giải quyết vụ việc theo chỉ đạo của lãnh đạo Vụ giám đốc kiểm tra Tòa án nhân dân tối cao, lãnh đạo Phòng giám đốc kiểm tra Tòa án nhân dân cấp cao;*

6. *Lập tiểu hồ sơ giám đốc thẩm, tái thẩm; quản lý hồ sơ vụ việc;*

7. *Dự thảo văn bản giải quyết vụ việc;*

a) *Trường hợp xét thấy bản án, quyết định bị đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm có căn cứ, đúng pháp luật và ý kiến thống nhất với đề xuất của lãnh đạo Phòng giám đốc kiểm tra thì ký văn bản thông báo trả lời;*

b) Trường hợp xét thấy bản án, quyết định bị đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm có căn cứ, đúng pháp luật, nhưng ý kiến khác với đề xuất của lãnh đạo Phòng giám đốc kiểm tra thì đề nghị Phó Chánh án phụ trách quyết định;

c) Trường hợp xét thấy bản án, quyết định bị đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì báo cáo Phó Chánh án phụ trách quyết định;

d) Trường hợp vụ việc do Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao trực tiếp giải quyết quy định tại khoản 1 Điều 28 Quy chế này thì Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao nghiên cứu, đề xuất ý kiến.

1.2.6. Người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Điều 331 của Bộ luật Tố tụng dân sự hiện nay quy định Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao; bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết, trừ quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; còn Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ.

1.2.7. Kháng nghị giám đốc thẩm.

Theo khoản 1 Điều 326 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi có một trong những căn cứ sau:

a) Kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự;

b) Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm cho đương sự không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, dẫn đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ không được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật;

c) Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc ra bản án, quyết định không đúng, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, xâm phạm đến lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba.

1. Ngày, tháng, năm ra quyết định kháng nghị và số của quyết định kháng nghị;
2. Chức vụ của người ra quyết định kháng nghị;
3. Số, ngày, tháng, năm của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị;
4. Quyết định của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị;
5. Nhận xét, phân tích những vi phạm, sai lầm của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị;
6. Căn cứ pháp luật để quyết định kháng nghị;
7. Kháng nghị toàn bộ hoặc phần của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật;
8. Tên của Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm vụ án;
9. Đề nghị của người kháng nghị.

1.2.8. Phiên tòa Giám đốc thẩm.

- Theo Điều 338 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì phiên tòa giám đốc thẩm phải có sự tham gia của Viện kiểm sát cùng cấp. Đối với đương sự hoặc người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác có liên quan đến việc kháng nghị tham gia phiên tòa giám đốc thẩm thì Tòa án chỉ triệu tập trong trường hợp xét thấy cần thiết; nếu họ vắng mặt tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm vẫn tiến hành phiên tòa.

1.2.9. Thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm.

(i). Về Thẩm quyền giám đốc thẩm:

- Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị như sau:

a) Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm;

b) Toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật quy định tại

điểm a khoản này nhưng có tính chất phức tạp hoặc bản án, quyết định đã được Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán nhưng không đạt được sự thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án.

- Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao bị kháng nghị như sau:

a) Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm năm Thẩm phán đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm;

b) Toàn thể Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật quy định tại điểm a khoản này nhưng có tính chất phức tạp hoặc bản án, quyết định đã được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm năm Thẩm phán nhưng không đạt được sự thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án.

Đối với những vụ án có tính chất phức tạp là những vụ án thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Quy định của pháp luật về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án chưa rõ ràng, chưa được hướng dẫn áp dụng thống nhất;

b) Việc đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật có nhiều ý kiến khác nhau;

c) Việc giải quyết vụ án liên quan đến lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, bảo vệ quyền con người, quyền công dân được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

(ii). Phạm vi giám đốc thẩm.

1. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chỉ xem xét lại phần quyết định của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng nghị.

2. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm có quyền xem xét phần quyết định của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật không bị kháng nghị hoặc không liên quan đến việc xem xét nội dung kháng nghị, nếu phần quyết định đó xâm phạm đến lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, lợi ích của người thứ ba không phải là đương sự trong vụ án.

(iii). Thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm.

Theo quy định thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm có thẩm quyền sau đây:

1. Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

2. Hủy bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa;

3. Hủy một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm hoặc xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm;

4. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án;

5. Sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

(iv). Nội dung Quyết định giám đốc thẩm

Hội đồng xét xử giám đốc thẩm ra quyết định nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quyết định giám đốc thẩm phải có các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm và địa điểm mở phiên tòa giám đốc thẩm;

b) Họ, tên các thành viên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm. Trường hợp Hội đồng xét xử giám đốc thẩm là Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao hoặc Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì ghi họ, tên, chức vụ của chủ tọa phiên tòa và số lượng thành viên tham gia xét xử;

c) Họ, tên Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giám đốc thẩm;

d) Tên vụ án mà Hội đồng đưa ra xét xử giám đốc thẩm;

đ) Tên, địa chỉ của các đương sự trong vụ án;

e) Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị;

g) Quyết định kháng nghị, lý do kháng nghị;

h) Nhận định của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, trong đó phải phân tích quan điểm về việc giải quyết vụ án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng nghị;

i) Điểm, khoản, điều của Bộ luật tố tụng dân sự, văn bản quy phạm pháp luật khác mà Hội đồng xét xử giám đốc thẩm căn cứ để ra quyết định;

k) Quyết định của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định và trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định và phải gửi quyết định này cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Kết luận Chương 1

Chúng ta có thể nhận thấy hiện nay quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại từ khi bắt đầu nhận đơn đề nghị giám đốc thẩm, quá trình xem xét, giải quyết nội dung đơn đề nghị bắt đầu từ khi nhận đơn, thực hiện việc rút hồ sơ ở Tòa án nơi giữ hồ sơ để nghiên cứu, xem xét có căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm hay không? quy trình nghiên cứu đơn và hồ sơ thì ngành Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân đã ban hành văn bản có tính chất nội bộ để hướng dẫn tương đối cụ thể, rõ ràng nhằm giải quyết tốt hơn việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại theo thủ tục giám đốc thẩm nói chung và vụ án kinh doanh thương mại nói riêng. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng các quy định này, qua thực tiễn tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn còn có những vướng mắc, bấp cập, mâu thuẫn, vẫn còn những quy định có cách hiểu khác nhau dẫn đến việc áp dụng không thống nhất. Nội dung này tác giả sẽ trình bày tại Chương 2 của luận văn.

Chương 2

THỰC TIỄN GIÁM ĐỐC THẨM VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG VÀ CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC KHI ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

2.1. Thực tiễn giải quyết đơn đề nghị và xét xử giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2.1.1. Sơ lược về thẩm quyền giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Theo Pháp lệnh Trọng tài kinh tế ngày 10 tháng 01 năm 1990 thì Trọng tài kinh tế là cơ quan Nhà nước, có chức năng giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh

tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế và thực hiện quản lý Nhà nước về chế độ hợp đồng kinh tế theo quy định của pháp luật. Đến ngày 28 tháng 12 năm 1993 thì Tòa Kinh tế được thành lập theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Tòa án nhân dân và bắt đầu hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 1994, là Tòa chuyên trách thuộc hệ thống Tòa án nhân dân, được tổ chức ở Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đồng thời Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tối cao có chức năng giám đốc thẩm, tái thẩm những vụ mà bản án, quyết định về kinh tế đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

2.1.2. Thực tiễn thụ lý, giải quyết vụ án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2.1.2.1. Tình hình thụ lý, giải quyết.

Theo Báo cáo về thực tiễn thi hành pháp luật về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì trong 3 năm từ 2016-2019, số lượng các loại vụ việc được Tòa án các cấp thụ lý tăng trung bình 50.000 vụ/năm. Đặc biệt, năm 2019, số lượng vụ việc tăng gần gấp 2 lần so với 2016. Năm 2015-2016, số đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm mà Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân cấp cao thụ lý là 65.910 đơn/vụ; đã giải quyết được 26.865 đơn/vụ, đạt tỷ lệ 40,74%.

Tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì căn cứ vào các báo cáo công tác, thống kê từ năm 2015 đến nay thì số lượng thụ lý, giải quyết án kinh doanh thương mại theo thủ tục giám đốc thẩm như sau:

(i). Đối với việc thụ lý đơn đề nghị giám đốc thẩm.

- Năm 2015: Thụ lý 73 vụ/việc (do Tòa án nhân dân tối cao chuyển về theo thẩm quyền 66 vụ/việc và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thụ lý 7 vụ/việc); kết quả giải quyết được 5 vụ (3 vụ/việc thông báo trả lời đơn không kháng nghị giám đốc thẩm, 2 vụ kháng nghị), đạt tỷ lệ 6,84%.

- Năm 2016: Thụ lý 150 vụ/việc; kết quả giải quyết được 57 vụ/việc (40 vụ/việc thông báo trả lời đơn, kháng nghị giám đốc thẩm 17 vụ/việc), đạt tỷ lệ 38%.

- Năm 2017: Thụ lý 158 vụ/việc; kết quả giải quyết được 57 vụ/việc (40 vụ/việc thông báo trả lời đơn không kháng nghị giám đốc thẩm, kháng nghị giám đốc thẩm 17 vụ/việc), đạt tỷ lệ 36,07%.

- Năm 2018: Thụ lý 131 vụ/việc; kết quả giải quyết được 83 vụ/việc (69 vụ/việc thông báo trả lời đơn không kháng nghị giám đốc thẩm, kháng nghị giám đốc thẩm 14 vụ/việc), đạt tỷ lệ 64,1%.

- Năm 2019: số đơn thụ lý là 108 vụ/việc, đã giải quyết 53 vụ/việc (trả lời đơn 35 vụ, kháng nghị 5 vụ, xử lý khác 13 vụ, còn lại 55 vụ/việc, đạt tỷ lệ 49%.

(ii). Đối với việc xét xử giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại.

Bao gồm xét xử đối với kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Năm 2015: Thụ lý 32 kháng nghị giám đốc thẩm, xét xử được 22 vụ, đạt tỷ lệ 68,75%.

- Năm 2016: Thụ lý 47 kháng nghị giám đốc thẩm, xét xử được 24 vụ, đạt tỷ lệ 51,06%.

- Năm 2017: Thụ lý 32 kháng nghị giám đốc thẩm, xét xử được 22 vụ, đạt tỷ lệ 68,75%.

- Năm 2018: Thụ lý 31 kháng nghị giám đốc thẩm, xét xử được 24 vụ, đạt tỷ lệ 77,41%.

- Năm 2019: Thụ lý 12 vụ kháng nghị giám đốc thẩm, đã xét xử 8 vụ còn 4 vụ chưa xử, đạt tỷ lệ 66,66%.

2.1.2.2. Đánh giá chung về thực tiễn giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm và việc xét xử giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Khi giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hiện tốt các Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, vận dụng, chấp hành tốt tinh thần cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, đã xác định rõ nhiệm vụ của cải cách tư pháp là bảo đảm để Tòa án là trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm, Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.2. Khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng quy định của pháp luật về giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2.2.1. Về xác định người có quyền làm đơn đề nghị giám đốc thẩm.

Theo Điều 327 và Điều 353 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đương sự có quyền đề nghị bằng văn bản với người có thẩm quyền kháng nghị quy định tại Điều 331 của Bộ luật này để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

2.2.2. Về người có thẩm quyền giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại

Theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tối cao là:

1. Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của các Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo quy định của luật tố tụng.

2. Giám đốc việc xét xử của các Tòa án khác, trừ trường hợp do luật định.

Còn theo Điều 29 thì nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân cấp cao là:

1. Phúc thẩm vụ việc mà bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của luật tố tụng.

2. Giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị theo quy định của luật tố tụng.

2.2.3. Vướng mắc về thời hạn làm đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định đó thì đương sự có quyền đề nghị bằng văn bản với người có thẩm quyền kháng nghị quy định

tại Điều 331 của Bộ luật này để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Quy định này được hiểu là thời hạn gửi đơn đề nghị giám đốc thẩm của các đương sự là 1 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, tại khoản 2 của Điều 334 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định về thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm như sau:

2.2.4. *Vướng mắc trong việc gửi hồ sơ vụ án của Tòa án đang lưu giữ hồ sơ cho Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân có yêu cầu:*

Như đã nêu tại phần 2.2.4, việc Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hiện việc rút hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại để xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, thời hạn gửi hồ sơ cho Tòa án, Viện kiểm sát là 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định rút hồ sơ, nhưng cá biệt có Tòa án vẫn không chuyển hồ sơ và không phản hồi tình trạng hồ sơ đã chuyển cho cơ quan nào cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng biết, có vụ án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phải ban hành văn bản rút hồ sơ đến lần thứ 3 và liên lạc trực tiếp thì mới có kết quả. Dẫn đến việc Tòa án không có hồ sơ để nghiên cứu, giải quyết và vụ án vẫn bị “treo”, tuy chưa xảy ra trường hợp nào không giải quyết đơn của đương sự do không có hồ sơ nhưng vấn đề này cũng là vướng mắc, cần phải đặt ra để giải quyết. Trước hết, các nguyên nhân của việc gửi hồ sơ vụ án chậm có thể là:

2.2.5. *Vướng mắc về thời hạn giải quyết đơn giám đốc thẩm:*

Bộ luật Tố tụng dân sự không quy định cụ thể về thời hạn giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm sớm nhất mà chỉ quy định về thời hạn nộp đơn và thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm, nhưng tại các quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân đã quy định rõ thời hạn giải quyết đơn của ngành. Tuy nhiên, trình tự, thủ tục giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm theo Quy chế giải quyết đơn của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhìn chung là chặt chẽ nhưng lại khá phức tạp nên việc giải quyết đơn bị kéo dài. Do đó, cần “luật hoá” quy định về thời hạn giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm theo pháp luật tố tụng, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức làm nhiệm vụ này, tránh tình trạng giải quyết đơn không đúng thời hạn quy định của pháp luật tố tụng.

2.2.6. *Vướng mắc về thu tập tài liệu, chứng cứ của vụ án kinh doanh thương mại tại giai đoạn giám đốc thẩm.*

Với đặc thù của công tác giám đốc thẩm, nhiều lúc các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới cần phải kiểm tra tính xác thực của chứng cứ hoặc phải thu thập thêm chứng cứ nên phải thực hiện việc xác minh để có thêm cơ sở xem xét yêu cầu của đương sự. Do Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có trụ sở tại thành phố Đà Nẵng và nhiều yếu tố khách quan, không thể cử cán bộ đi xác minh trực tiếp mà phải ủy thác cho các cơ quan hữu quan để thực hiện việc xác minh. Vấn đề này có nhiều khó khăn, vướng mắc như sau:

2.2.7. Vướng mắc về thủ tục giải quyết nội dung vụ án.

- Như đã trình bày tại phần {1.2.5} về thủ tục giải quyết đơn của Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xảy ra trường hợp Thẩm phán đề nghị kháng nghị đối với vụ án nhưng Phó Chánh án có quan điểm trả lời đơn. Trường hợp này phải thực hiện theo ý kiến của Phó Chánh án là trả lời đơn. Nếu đương sự không đồng ý và tiếp tục khiếu nại (lần 2) thì thẩm quyền xem xét, giải quyết đơn của đương sự là của Phó Chánh án như đã trình bày tại phần {2.2.3}. Do Phó Chánh án đã có quan điểm không kháng nghị khi giải quyết đơn lần thứ nhất nên rõ ràng, khi giải quyết khiếu nại lần 2 thì Phó Chánh án cũng sẽ có quan điểm trả lời đơn nếu không có tài liệu, chứng cứ hoặc tình tiết mới nào khác. Như vậy có thể xảy ra việc không khách quan của Phó Chánh án khi giải quyết đơn khiếu nại lần 2 của đương sự.

2.2.8. Vướng mắc về thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 347 thì Hội đồng xét xử có thẩm quyền sửa bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật khi có đủ các điều kiện:

a) *Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, rõ ràng; có đủ căn cứ để làm rõ các tình tiết trong vụ án;*

b) *Việc sửa bản án, quyết định bị kháng nghị không làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.*

Kết luận chương 2

Hiện nay do tỷ lệ giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm nói chung và đối với vụ án kinh doanh thương mại nói riêng có tỷ lệ còn thấp, chưa đạt chỉ tiêu theo yêu cầu của Quốc hội, chưa giải quyết được tình hình bức xúc của đương sự. Qua thực tiễn tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về công tác giám đốc thẩm, chúng ta nhận thấy nguyên nhân của tình trạng này gồm có nguyên nhân khách quan như số lượng đơn đề nghị giám đốc thẩm còn nhiều, quy định của pháp luật còn chưa rõ ràng, chặt chẽ, còn gặp khó khăn khi áp dụng... và nguyên nhân chủ quan do đội ngũ cán bộ còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu công việc... Để khắc phục tình trạng này, cần phải có những chủ trương chính sách, giải pháp phù hợp với thực tiễn và cần phải sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật nhằm đáp ứng đòi hỏi của thực tế. Với các nội dung vướng mắc, bất cập, khó khăn đã nêu tại Chương 2, tác giả sẽ đề xuất, kiến nghị các giải pháp và sẽ trình bày tại Chương 3 của Luận văn.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ GIÁM ĐỐC THẨM ĐỐI VỚI VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giám đốc thẩm.

Ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, trong đó xác định mục tiêu chiến lược là xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà Tòa án là trung tâm và hoạt động xét xử trọng tâm; định hướng của cải cách tư pháp được triển khai theo 4 định hướng cơ bản: hoàn thiện thể chế dân sự, thủ tục tư pháp; cải cách tổ chức các cơ quan tư pháp và các thiết chế hỗ trợ tư pháp mà trung tâm là Tòa án, xác định khâu đột phá là tăng cường tranh tụng; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp; đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật giám đốc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

3.2.1. Các giải pháp về pháp luật.

Trên cơ sở định hướng của Đảng và Nhà nước về công tác cải cách tư pháp và các khó khăn, vướng mắc, bất cập và những mâu thuẫn trong các quy định của pháp luật về giám đốc thẩm nói chung và giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại nói riêng đã trình bày tại Chương 2, tác giả nhận thấy cần phải sửa đổi, bổ sung, đồng thời kiến nghị áp dụng các quy định để phù hợp hơn với thực tiễn, bao gồm nhóm các giải pháp, kiến nghị về các quy định của pháp luật, về tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân, về cơ chế chính sách... nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám đốc thẩm nói chung và công tác giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nói riêng như sau:

3.2.2. Nhóm các giải pháp khác.

Để làm tốt công tác giám đốc thẩm, ngoài các yếu tố khác thì yếu tố về tổ chức, nhân sự của Tòa án làm công tác này đóng vai trò cực kỳ quan trọng, quyết định đến việc nâng cao chất lượng, tỷ lệ giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, mô hình Tòa án hiện nay cũng có nhiều bất cập, hạn chế làm ảnh hưởng đến công tác này. Tác giả kiến nghị một số giải pháp về nội dung này như sau:

Kết luận chương 3

Qua thực tiễn công tác tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, cá nhân tác giả mạnh dạn đưa ra những quan điểm và đề xuất những giải pháp như đã trình bày, với mục đích tăng cường chất lượng, hiệu quả của công tác giám đốc thẩm nói chung và đối với vụ án kinh doanh thương mại nói riêng. Đối với nhóm giải pháp về pháp luật, là nhóm có tầm vĩ mô, cần phải tiếp tục nghiên cứu, tổng kết để có thể vận dụng khi xây dựng pháp luật. Đối với nhóm các giải pháp khác, có giải pháp có thể được áp dụng ngay như tăng cường biên chế làm công tác giám đốc thẩm, ban hành quy chế giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm mới, phù hợp với thực tế hơn.

Tác giả cũng hy vọng nhưng quan điểm, đề xuất này sẽ được xem xét, áp dụng trong thời gian đến để giải quyết tốt hơn công tác giám đốc thẩm hiện nay.

KẾT LUẬN

Việc phát sinh tranh chấp giữa các chủ thể trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại là tất yếu trong xã hội hiện nay. Việc các chủ thể này lựa chọn Tòa án là cơ quan giải quyết tranh chấp đã thể hiện vai trò, trách nhiệm của Nhà nước thông qua hoạt động xét xử của Tòa án để giải quyết nội dung tranh chấp đúng các quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Mặc dù đã trải qua giai đoạn xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm nhưng vẫn còn tình trạng các chủ thể đề nghị xem xét lại vụ án kinh doanh thương mại theo thủ tục giám đốc thẩm, qua đó có thể khẳng định các chủ thể này chưa có niềm tin vào việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm, và cũng không loại trừ Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm có sai lầm trong việc giải quyết vụ án. Do đó, việc quy định thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại để xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án, được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan nhằm phát hiện ra sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xét xử các vụ án kinh doanh thương mại, nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Việc áp dụng, thực thi các quy định của pháp luật về giám đốc thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập trên thực tế, cần nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

Trong quá trình công tác, tác giả cũng cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu các quy định của pháp luật, đồng thời gắn với thực tiễn công tác của mình tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, từ đó đánh giá, nhận xét, rút ra các vấn đề còn khó khăn, vướng mắc, mâu thuẫn trong việc áp dụng pháp luật để đề xuất, kiến nghị những giải pháp, thay đổi hoặc cụ thể hóa các quy định của pháp luật nhằm giải quyết tốt hơn vụ án kinh doanh thương mại theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tuy nhiên, dù đã hết sức nỗ lực song với khả năng có hạn trong khi các vấn đề cần giải quyết tương đối phức tạp nên chắc chắn Luận văn này không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót cần được điều chỉnh, bổ sung. Tác giả mong muốn nhận được sự chỉ dẫn, góp ý của các thầy giáo, cô giáo, các chuyên gia và của tất cả những ai quan tâm đến lĩnh vực này.

Cá nhân tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Ban Giám hiệu Trường Đại học Luật Huế và các Thầy, Cô giáo đã tham gia giảng dạy và tạo mọi điều kiện giúp đỡ để tôi hoàn thành khóa học, đặc biệt là Phó Giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Duy Phương, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Huế và Tiến sĩ Nguyễn Văn Bằng, Thẩm phán cao cấp - Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn này. Ngoài ra, tôi cũng xin chân thành cảm ơn các tác giả đã có những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài để tôi có những tài liệu tham khảo quý giá, hữu ích trong quá trình thực hiện luận văn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thành An (2018), “*Kháng nghị phúc thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự từ thực tiễn Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
2. Dương Thị Ánh (2015), “*Nguyên tắc giám đốc việc xét xử trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương (2014), *Báo cáo tổng kết 08 năm thực hiện Nghị quyết số 49 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, ban hành ngày 12/3/2014, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, ban hành ngày 02/01/2002, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, ban hành ngày 24/5/2005, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, ban hành ngày 2/6/2005, Hà Nội.
7. Chánh án TANDTC (2011), *Công văn số 340/TANDTC-BTK quy định về trách nhiệm của các Tòa án trong việc phát hiện, kiến nghị xem xét bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm*, ban hành ngày 25/11/2011, Hà Nội.
8. Chánh án TANDTC (2016), *Quyết định số 625/QĐ-CA ban hành Quy chế giải quyết đơn đề nghị, kiến nghị, thông báo đối với bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm tại Tòa án nhân dân*, ban hành ngày 06/9/2016, Hà Nội.
9. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên, 2013), *Giáo trình Luật TTHS Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Cụm thi đua số III Tòa án nhân dân (2016, 2017, 2018, 2019), *Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng*.
11. Ngô Cường (2013), “Thủ tục giám đốc thẩm của Việt Nam: quá trình phát triển và kiến nghị sửa đổi”, Tạp chí *Kiểm sát*, số 15 và số 17.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia - sự thật, Hà Nội.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

14. Nguyễn Quang Hiền (2009), “Một số vấn đề về thủ tục giám đốc thẩm”, Tạp chí *TAND*, số 07.

15. Nguyễn Văn Hiến (1998), “Tiếp tục hoàn thiện các quy định về giám đốc thẩm và tái thẩm, góp phần nâng cao hiệu quả công tác xét xử của Tòa án”, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*, số 04.

16. Hội đồng Thẩm phán TANDTC (2005), *Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ tư “Xét xử phúc thẩm” của BLTTHS*, ban hành ngày 08/12/2005, Hà Nội.

17. Nguyễn Ngọc Khánh (2007), “Cần một cách nhìn mới về thủ tục giám đốc thẩm trong TTHS”, Tạp chí *Kiểm sát*, số 20.

18. Nguyễn Duy Lãm (1996), *Sổ tay thuật ngữ pháp lý thông dụng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

19. Nguyễn Quang Lộc (2006), “Thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm khi hủy bản án, quyết định đã có HLPL theo pháp luật tố tụng - những vướng mắc cần tháo gỡ”, Tạp chí *TAND*, số 21.

20. Phan Thị Thanh Mai (2006), “Một số ý kiến về thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm”, Tạp chí *Luật học*, số 11.

21. Đinh Văn Quế (2005), “Vấn đề kháng nghị giám đốc thẩm về “dân sự” trong vụ án hình sự”, Tạp chí *TAND*, số 9.

22. Đinh Văn Quế (2008), “Thấy gì qua một số vụ án bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm”, Tạp chí *TAND*, số 20.

23. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (1981, 1992, 2002, 2014), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội

24. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (1981, 1992, 2002, 2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.

25. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (1980, 1992, 2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.

26. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (1985, 1999, 2009, 2015, 2017), *BLHS*, Hà Nội.

27. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2004), *Bộ luật Tố tụng dân sự*, Hà Nội.

28. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2011), *Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.

29. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), *Bộ luật Tố tụng dân sự*, Hà Nội.

30. Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1960), *Luật tổ chức TAND*, Hà Nội.

31. Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1960), *Luật tổ chức VKSND*, Hà Nội.

32. TANDCC tại Đà Nẵng (2016-2019), *báo cáo tổng kết công tác chuyên môn các năm công tác của TANDCC tại Đà Nẵng*.

33. TANDCC tại Đà Nẵng (2016-2019), *các quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án TANDCC tại Đà Nẵng*.

34. TANDCC tại Đà Nẵng (2016-2019), *các quyết định giám đốc thẩm của Ủy ban Thẩm phán*.

35. TANDTC (1964), *Thông tư số 6-TC về trình tự giám đốc xét xử*, ban hành ngày 23/7/1964, Hà Nội.

36. TANDTC (2016, 2017, 2018, 2019), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án*, Hà Nội.

37. TANDTC (2016-2019), các án lệ về hình sự đã được công bố tại trang tin điện tử về án lệ < <https://anle.toaan.gov.vn> >.

38. TANDTC (2009), *Sổ tay Thẩm phán*, Nxb Lao động, Hà Nội.

39. TANDTC-VKSNDTC (2013), *Thông tư liên ngành số 03/2013/TTLN-TANDTC-VKSNDTC hướng dẫn thi hành một số thủ tục về giám đốc thẩm, tái thẩm và thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự*, ban hành ngày 15/10/2013, Hà Nội.

40. TANDTC-VKSNDTC (2016), *Thông tư liên ngành số 02/2016/TTLN-TANDTC-VKSNDTC quy định việc phối hợp giữa Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự*, ban hành ngày 31/12/2016, Hà Nội.

41. Đào Xuân Tiến (2014), Trách nhiệm kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án kinh tế, dân sự <<http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208930>>, (01/10/2014).

42. Quản Thị Ngọc Thảo (2007), *Giám đốc thẩm: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật Đại học Hà Nội.

43. Trường Đại học luật Hà Nội (1999), *Giáo trình luật TTDS*, Nxb Công an nhân dân.

44. Nguyễn Văn Trọng (2010), “Thực trạng thực hiện quy định của BLTTHS về thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm và những vấn đề cần hoàn thiện”, Tạp chí *TAND*, số 23.

45. Đào Trí Úc (1997), *Nhà nước và pháp quyền của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

46. Nguyễn Văn Xô (chủ biên, 2005), *Từ điển Tiếng Việt 2005*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.